

Số: 39 /2020/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và
Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06
năm 2015;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của
Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của
Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất
đai;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, ngày 10 tháng 10 năm 2016 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực
sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;*

*Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 05 năm 2010 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ
phát triển đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng tại tờ trình
số 45/TTr-QPTĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ và hoàn trả vốn tại Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

ĐIỀU LỆ

**Về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng
Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 39 /2020/QĐ-UBND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ này quy định về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Điều lệ).

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi: **Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.**
2. Trụ sở chính của Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng: Số 108, đường Hoàng Văn Thụ, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Vị trí và chức năng

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, được thành lập theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.
2. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Quỹ có chức năng nhận vốn ngân sách nhà nước cấp (nguồn thu sử dụng đất) và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.
2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 20 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.

3. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng khi phát hiện Tổ chức ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng.

4. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Thẩm định hồ sơ đề nghị ứng vốn trình cấp có thẩm quyền quyết định cho các tổ chức ứng vốn theo quy định của pháp luật; thực hiện giải ngân vốn ứng cho các tổ chức ứng vốn theo quyết định bố trí vốn; thực hiện thu hồi vốn ứng và phí ứng vốn khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn.

4. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn và cơ chế tổ chức, quản lý Quỹ.

5. Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và nhiệm vụ được giao ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

Hội đồng quản lý Quỹ;

Ban kiểm soát Quỹ;

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có từ 5 đến 7 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ là lãnh đạo Sở Tài chính;

c) Các thành viên khác là lãnh đạo Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách cấp và các nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Thông qua Kế hoạch tài chính và Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

6. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

7. Quyết định ứng vốn theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

8. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án biên chế, phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các phòng chuyên môn của Quỹ theo đề

ng nghị của Giám đốc Quỹ.

10. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì cuộc họp.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Phụ cấp kiêm nhiệm của các thành viên Hội đồng được hưởng theo hệ số của mức lương cơ sở do nhà nước quy định.

5. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

Điều 11. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có từ 3 đến 5 thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban kiểm soát và các thành viên khác.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Kiểm soát viên của Quỹ

a) Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ.

b) Trưởng Ban kiểm soát Quỹ: do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Phó Trưởng ban kiểm soát Quỹ và các thành viên khác: do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép..

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh..

7. Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát.

8. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 13. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ, chuyên môn.

Chức năng, nhiệm vụ các phòng nghiệp vụ, chuyên môn giúp việc cơ quan điều hành Quỹ; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng nghiệp vụ, chuyên môn do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách; các phòng chuyên môn gồm:

Phòng Tổ chức-Hành chính;

Phòng Nghiệp vụ.

2. Tổng số người làm việc của Quỹ thực hiện theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm. Ngoài chỉ tiêu biên chế sự nghiệp của Quỹ được giao, tùy theo yêu cầu nhiệm vụ và khả năng nguồn thu của Quỹ, Giám đốc Quỹ được phép sử dụng một số lao động hợp đồng và thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 14. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

2. Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Quyết định ứng vốn theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

4. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

6. Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ.

7. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật.

Điều 16. Phó Giám đốc và kế toán trưởng Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Phó Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những

nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ uỷ quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

3. Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng của Quỹ thực hiện theo quy định của nhà nước.

Chương IV

LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 17. Lao động và tuyển dụng lao động

1. Giám đốc Quỹ có quyền tuyển dụng, hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu hoạt động của Quỹ, trên cơ sở phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc được Quỹ cụ thể hóa khi có nhu cầu tuyển dụng.

2. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với các điều kiện thực tế của Quỹ và các quy định của Bộ Luật Lao động và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Quyền lợi, trách nhiệm và tiền lương của người lao động

1. Người lao động tại Quỹ được hưởng lương, các khoản phụ cấp và tiền thưởng theo quy định của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ và được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động và Điều lệ, nội quy, kỷ luật của Quỹ, các quy định của tỉnh và pháp luật hiện hành.

Chương V

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 19. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn của Quỹ gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khi quyết định thành lập Quỹ. Việc thay đổi vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức trích bổ sung cho Quỹ cụ thể hàng năm cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để đảm bảo hình thành đủ mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy

thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Nguồn vốn của Quỹ được sử dụng để ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo phương án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng nhằm tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này do Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc Quỹ quyết định theo phân cấp tại Điều lệ Quỹ.

Điều 21. Điều kiện ứng vốn, trình tự ứng vốn

1. Điều kiện ứng vốn: Quỹ chỉ thực hiện ứng vốn khi các tổ chức đề nghị ứng vốn có đủ các điều kiện sau:

a) Là tổ chức được giao nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 20 tại Điều lệ này.

b) Dự toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, dự toán đầu tư xây dựng hạ tầng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời có cam kết hoàn trả vốn ứng theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục ứng vốn:

a) Tổ chức ứng vốn gửi văn bản đề nghị ứng vốn đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ đối với mức ứng vốn lớn hơn 30 (ba mươi) tỷ đồng của một dự án; gửi văn bản đề nghị ứng vốn đến Quỹ đối với mức ứng vốn dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng của một dự án. Đối với văn bản gửi Quỹ có kèm thêm phương án sử dụng vốn ứng và cam kết hoàn trả vốn ứng và phí ứng vốn đầy đủ đúng hạn; các tài liệu cơ sở của dự án (bản chính hoặc bản sao y bản chính, riêng văn bản đề nghị bố trí vốn để triển khai dự án kèm theo phương án và cam kết hoàn trả vốn ứng và phí ứng vốn phải là bản gốc);

b) Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị ứng vốn của các tổ chức, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định;

c) Người có thẩm quyền xem xét ban hành quyết định bố trí vốn theo đề nghị của Quỹ và tổ chức ứng vốn;

d) Quỹ kiểm soát hồ sơ, lập thủ tục giải ngân vốn ứng, thu hồi vốn ứng và phí ứng vốn theo đúng quy định của nhà nước.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

1. Giám đốc Quỹ quyết định mức ứng vốn đến 5 (năm) tỷ đồng cho một dự án.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức ứng vốn từ trên 5 (năm) tỷ đồng đến 30 (ba mươi) tỷ đồng cho một dự án.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức ứng vốn trên 30 (ba mươi) tỷ đồng cho một dự án.

Điều 23. Hoàn trả vốn ứng

1. Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau đó Nhà nước giao đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất thì do ngân sách nhà nước thực hiện hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án.

2. Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau đó Nhà nước giao đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì do ngân sách nhà nước thực hiện hoàn trả từ tiền sử dụng đất của dự án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau đó Nhà nước giao đất theo hình thức được giảm tiền sử dụng đất thì do ngân sách nhà nước thực hiện hoàn trả từ tiền sử dụng đất của dự án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Nếu tiền sử dụng đất của dự án không đủ để hoàn trả, thì số tiền thiếu sẽ hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án.

Điều 24. Thời hạn hoàn trả vốn ứng, xử lý rủi ro

1. Thời hạn hoàn trả vốn ứng được quy định trong hợp đồng ứng vốn nhưng tối đa không vượt quá thời gian thực hiện nêu trong quyết định phê duyệt dự án là 12 tháng. Trường hợp dự án không quy định thời gian hoàn thành dự án, thì thời gian hoàn trả vốn ứng chậm nhất không quá 12 tháng kể từ ngày dự án hoàn thành ứng vốn.

2. Căn cứ phương án hoàn trả vốn ứng và thời hạn ứng vốn của dự án, Quỹ có trách nhiệm đôn đốc thu hồi vốn ứng. Trường hợp quá thời hạn tổ chức ứng vốn không hoàn trả, thì Quỹ phát triển đất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý.

3. Trường hợp xảy ra rủi ro đối với các dự án ứng vốn của Quỹ do chính sách của Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án dẫn đến tổ chức ứng vốn gặp khó khăn trong hoàn trả vốn ứng thì Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho các tổ chức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy

định tại Khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

1. Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng mức phí ứng vốn bằng không (= 0);

2. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách Nhà nước theo các văn bản quy định hiện hành.

Điều 26. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

2. Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc tỉnh.

3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

Chương VI

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 27. Cơ chế tài chính và quản lý tài chính

1. Quỹ thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

2. Quỹ được gửi nguồn vốn hoạt động nhàn rỗi tại các tổ chức tín dụng để quản lý, sử dụng. Số tiền lãi phát sinh được thực hiện theo Điều 29 của Điều lệ này.

3. Quỹ đảm bảo ứng vốn kịp thời để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ và các nhiệm vụ khác của Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Quỹ thực hiện công khai, minh bạch tài chính theo hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách hiện hành.

Điều 28. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:

a) Kinh phí Ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

b) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.

d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận ủy thác (nếu có).

đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại Khoản 1 điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước cấp cho Quỹ quy định tại Điều 19 của Điều lệ này.

Điều 29. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp và văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc tại Quỹ theo chế độ quy định.

b) Chi không thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quy định; tinh giản biên chế theo chế độ (nếu có); đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

c) Hàng quý và cuối năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, được chi trả thu nhập tăng thêm và trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 30. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng là tổ chức tài chính nhà nước hạch toán độc lập. Chi phí hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ ngân sách Nhà nước và các nguồn thu của Quỹ.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu trừ đi tổng chi phí trong năm.

3. Quỹ thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật.

4. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Phân phối thu chi tài chính

1. Căn cứ chênh lệch thu chi hằng năm, Quỹ phát triển đất tỉnh thực hiện trích 40% để thực hiện cải cách tiền lương. Phần chênh lệch còn lại đơn vị thực hiện trích lập các quỹ: Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập và quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Mức trích lập cụ thể theo quy định hiện hành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1/1 tháng 01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ và hoàn trả vốn tại Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Cao Bằng, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh